

Số: 240/KH-LTT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Về việc kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIV, kỳ họp thứ 6;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Công văn số 758/SGDDĐT-TCCB ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về việc triển khai kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và những năm tiếp theo;

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của cán bộ, viên chức thuộc trường, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu kê khai tài sản, thu nhập

1. Mục đích

- Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch nguồn gốc tài sản, thu nhập, phục vụ công tác quản lý cán bộ, viên chức và người lao động kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

- Xác định thời gian, cách làm để người có nghĩa vụ kê khai thực hiện nghiêm túc và đúng các quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập; không để xảy ra vi phạm phải xem xét xử lý.

- Cá nhân thuộc diện kê khai phải có trách nhiệm tự kê khai tài sản và thu nhập (theo mẫu kê khai) và chịu trách nhiệm giải trình, tính chính xác, trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai của mình.

- Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản, thu nhập thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên tại thời điểm hoàn thành Bản kê khai.

2. Yêu cầu

Thực hiện kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

II. Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

1. Đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

- Cán bộ, giảng viên, nhân viên (CB-GV-NV) hiện đang giữ chức vụ từ Tổ trưởng chuyên môn/ng nghiệp vụ trở lên;
- Đối với các đơn vị chức năng, các nhân viên làm công việc liên quan đến các lĩnh vực: thủ quỹ, kế toán; thuế; mua sắm công, giám sát chất lượng các công trình xây dựng; tuyển sinh; bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng CB-GV-NV; tuyển dụng, thi thăng hạng viên chức; đề án thành lập mới, sắp xếp lại đơn vị; thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

2. Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập

Mẫu Bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (đính kèm);

Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (đính kèm).

3. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

Đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại Mục 1 thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm 2020 theo quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập từ năm 2021 là đối tượng kê khai lần đầu và kê khai hằng năm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP; Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

Lưu ý: Ngoài việc phải kê khai các loại tài sản, thu nhập như quy định trước đây, như: Nhà, đất; Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên và tài sản, tài khoản ở nước ngoài thì Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 yêu cầu phải kê khai thêm công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng. Đồng thời, các đối tượng còn phải kê khai cả tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

Trường hợp tại thời điểm kê khai, Người có nghĩa vụ kê khai không thể tiến hành kê khai đúng thời hạn vì lý do khách quan thì thực hiện việc kê khai trước hoặc sau thời điểm quy định với thời gian gần nhất.

3. Trình tự, thời hạn thực hiện kê khai

- **Ngày 22/3/2021:** Phòng Tổ chức – Hành chính– Tổng hợp lập danh sách CB-GV-NV có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 theo quy định trình Hiệu trưởng phê duyệt. Gửi danh sách và mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập về các đơn vị trực thuộc trường (Đính kèm danh sách CB-GV-NV thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020).

- **Từ ngày 22/3/2021 đến ngày 24/3/2021:** Trưởng đơn vị trực thuộc hướng dẫn CB-GV-NV có nghĩa vụ kê khai hoàn tất việc kê khai, nộp về phòng

Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp đề tổng hợp (*mỗi cá nhân thực hiện 02 bản, người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai*).

- **Từ ngày 24/3/2021 đến ngày 26/3/2021:** Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp kiểm tra tính đầy đủ về nội dung kê khai. Trường hợp Bản kê khai chưa đầy đủ các nội dung phải kê khai hoặc chưa đúng quy định (theo mẫu) thì phòng yêu cầu cá nhân kê khai lại.

III. Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Hình thức, phạm vi công khai

- Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập bằng hình thức niêm yết hoặc công bố tại cuộc họp đơn vị.

- Công khai bằng hình thức niêm yết: Địa điểm niêm yết đảm bảo an toàn, không làm mất, rách, nát và đủ điều kiện để mọi người trong đơn vị có thể xem các Bản kê khai; thời gian niêm yết tối thiểu là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp đơn vị: Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập phải đảm bảo đủ thời lượng, số lượng người dự cuộc họp tối thiểu 2/3 số người thuộc đơn vị;

+ Từng cá nhân thuộc diện kê khai hoặc người chủ trì cuộc họp hoặc phân người đọc các Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020;

+ Đơn vị lập biên bản ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc, giải trình liên quan đến nội dung Bản kê khai (nếu có); việc lập biên bản phải có sự tham gia của đại diện Ban chấp hành Công đoàn.

2. Thời hạn thực hiện công khai Bản kê khai tài sản

Từ ngày 26/3/2021 đến ngày 29/3/2021: Các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và gửi biên bản về phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

IV. Lập hồ sơ kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

Sau khi các đơn vị thực hiện công khai, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập về Sở Giáo dục và Đào tạo.

1. Thành phần hồ sơ gồm:

- Kế hoạch thực hiện công tác kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh;

- Danh sách CB-GV-NV thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập (*nhập theo liên kết <http://bctccb.hcm.edu.vn> và in 02 bản*);

- Các Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 (bản photo) của CB-GV-NV thuộc diện phải kê khai;

- Các Biên bản họp công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị;

2. Thời hạn nộp hồ sơ kê khai

Hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của trường nộp về phòng Tổ chức – Cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố trước **ngày 29/03/2021**.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp

- Lập danh sách CB-GV-NV thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 theo quy định, trình Hiệu trưởng phê duyệt để gửi đến các đơn vị trực thuộc trường (kèm theo các văn bản hướng dẫn, Mẫu biểu kê khai);

- Đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu về tiến độ, thời gian triển khai của kế hoạch;

- Thu nhận hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập của các đơn vị;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết phản ánh trong việc kê khai tài sản, thu nhập (nếu có);

2. Các đơn vị trực thuộc trường

- Phổ biến công khai Kế hoạch này đến toàn thể CB-GV-NV thuộc đơn vị;

- Phối hợp với phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp hướng dẫn, đôn đốc CB-GV-NV của đơn vị thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 thực hiện việc kê khai đúng yêu cầu về thời gian trong kế hoạch;

- Thực hiện công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 theo đúng quy định.

3. Cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập

- CB-GV-NV thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập phải nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn và kê khai trung thực, rõ ràng theo quy định, đúng thời gian trong kế hoạch và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong Bản kê khai tài sản, thu nhập.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của CB-GV-NV thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh. Lãnh đạo nhà trường yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện theo nội dung hướng dẫn và đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: VT, TC-HC-TH.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH CÁ NHÂN THUỘC DIỆN THỰC HIỆN KÊ KHAI
TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 240 /KH-LTT-TC ngày 22 tháng 3 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)



STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	PCC V	Ghi chú
		Nam	Nữ				
01	Phạm Hữu Lộc	1966		Ban Giám Hiệu	Hiệu trưởng	0,90	
02	Đinh Văn Đệ	1974			Phó Hiệu trưởng	0,70	
03	Đinh Hồng Minh		1969		Phó Hiệu trưởng	0,70	
04	Châu Văn Bảo	1974			Phó Hiệu trưởng	0,70	
05	Nguyễn Kính	1965		Phòng Kế hoạch - Tài chính	Trưởng phòng	0,45	
06	Nguyễn Thị Kim Dung		1979		Phó Trưởng phòng	0,35	
07	Hồng Mộng Tuyết Dung		1970		Nhân viên kế toán		
08	Trần Thị Minh Thoa		1983		Nhân viên kế toán		
09	Võ Thị Lệ Trân		1979		Nhân viên kế toán		
10	Nguyễn Thị Hồng Thắm		1991		Thủ quỹ		Đang nghỉ chế độ thai
11	Trần Thị Thảo Vân		1988		Nhân viên kế toán		
12	Nguyễn Thụy Nghiêm		1985		Thủ quỹ		
13	Lâm Viết Dũng	1976		Phòng Tổ chức - Hành chính - TH	Trưởng phòng	0,45	
14	Huỳnh Thị Minh Ly		1979		Phó Trưởng phòng	0,35	
15	Lưu Hoàng Hải Yến		1985		Phó Trưởng phòng	0,35	
16	Phan Thị Ngọc Phượng		1980		Chuyên viên phụ trách HS tuyển dụng		
17	Trần Thị Ánh Phượng		1987		Chuyên viên phụ trách HS thi đua, khen		
18	Hồ Văn Sĩ	1975		Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	Trưởng phòng	0,45	
19	Nguyễn Văn Tấn	1962			Phó Trưởng phòng	0,35	
20	Huỳnh Thị Mai	1978			Phó Trưởng phòng	0,35	
21	Lương Xuân Thịnh	1991			Phó Trưởng phòng	0,35	
22	Giáp Thị Vượng		1987		Chuyên viên tham gia công tác tuyển sinh		
23	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1982		Chuyên viên tham gia công tác tuyển sinh		
24	Thái Thị My Sa		1988		Chuyên viên tham gia công tác tuyển sinh		
25	Nguyễn Thị Tất		1988		Chuyên viên tham gia công tác tuyển sinh		
26	Nguyễn Việt Tiến	1992			Chuyên viên tham gia công tác tuyển sinh		

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	PCC V	Ghi chú
		Nam	Nữ				
27	Nguyễn Ngọc Trang		1966	Phòng Quản lý KH - HTQT	Trưởng phòng	0,45	
28	Nguyễn Chí Nhân	1978		Phòng Khảo thí và ĐBCL	Trưởng phòng	0,45	
29	Lê Quang Liêm	1972		Phòng Quản trị - Dịch vụ	Trưởng phòng	0,45	
30	Nguyễn Văn Thành	1974			Phó Trưởng phòng	0,35	
31	Trịnh Hoàng Hiệp	1977			Phó Trưởng phòng	0,35	
32	Nguyễn Trọng Phú	1976			Tổ trưởng Tổ Sửa chữa cơ bản	0,25	
33	Phan Đức Long	1974			Tổ trưởng Tổ Quản lý Ký túc xá	0,25	
34	Trần Thị Thu	1971			Tổ trưởng Tổ Dịch vụ - Môi trường	0,25	
35	Lê Xuân Thiện	1965		Phòng Thanh tra Giáo dục - CTSV	Trưởng phòng	0,45	
36	Hồ Minh Lợi	1962			Phó Trưởng phòng	0,35	
37	Nguyễn Ngọc Hiệp	1973			Phó Trưởng phòng	0,35	
38	Nguyễn Thành Nam	1979		Khoa Khoa học cơ bản	Trưởng khoa	0,45	
39	Phạm Thị Thu Nga		1976		Phó Trưởng khoa	0,35	
40	Nguyễn Thị Huyền Nga		1974		Trưởng Bộ môn Lý - Hóa	0,25	
41	Lê Thái Hùng	1974			Trưởng Bộ môn Giáo dục thể chất	0,25	
42	Nguyễn Ngọc Quỳnh	1981		Khoa Lý luận Chính trị	Phó Trưởng khoa	0,35	Phụ trách khoa
43	Lê Thị Hồng Vân		1980		Phó Trưởng khoa	0,35	
44	Chung Trần Thế Vinh	1981		Khoa Cơ khí	Trưởng khoa	0,45	
45	Trần Đình Khải	1968			Phó Trưởng khoa	0,35	
46	Bùi Anh Tuấn	1988			Trưởng bộ môn Cad/Cam-CNC	0,25	
47	Vũ Đức Pháp	1978			Trưởng Bộ môn Công nghệ chế tạo	0,25	
48	Nguyễn Khoa	1963		Khoa Công nghệ thông tin	Phó Trưởng khoa	0,35	Phụ trách khoa
49	Hồ Ngọc Chi		1978		Phó Trưởng khoa	0,35	
50	Trần Việt Khánh	1979			Trưởng Bộ môn Công nghệ Phần mềm	0,25	
51	Nguyễn Văn Đôn	1974			Trưởng Bộ môn Mạng máy tính	0,25	
52	Nguyễn Văn Danh	1983			Trưởng Bộ môn Khoa học Máy tính	0,25	
53	Nguyễn Anh Tuấn	1981		Khoa Động lực	Trưởng khoa	0,45	

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	PCC V	Ghi chú
		Nam	Nữ				
54	Võ Đắc Thịnh	1979			Phó Trưởng khoa	0,35	
55	Nguyễn Hữu Mạnh	1980			Trưởng Bộ môn Gầm ô tô	0,25	
56	Hà Quốc Bảo	1987			Trưởng Bộ môn Điện ô tô	0,25	
57	Triệu Phú Nguyên	1980			Trưởng bộ môn Động cơ ô tô	0,25	
58	Tạ Minh Cường	1965		Khoa Điện - Điện tử	Trưởng khoa	0,45	
59	Huỳnh Ngọc Mai	1972			Phó Trưởng khoa	0,35	
60	Phạm Minh Nghĩa	1964			Phó Trưởng khoa	0,35	
61	Võ Cường	1966			Trưởng Bộ môn Điện tử công nghiệp	0,25	
62	Quách Minh Thử	1979			Trưởng Bộ môn Điện công nghiệp	0,25	
63	Trần Nguyên Bảo Trân	1977			Trưởng bộ môn Cơ điện tử và Tự động hóa	0,25	
64	Nguyễn Ngọc Thọ	1978		Khoa May - Thời trang	Trưởng khoa	0,45	
65	Đinh Đồng Hiệp	1964		Khoa Nhiệt - Lạnh	Phó Trưởng khoa	0,35	Phụ trách khoa
66	Hoàng Văn Viết	1990			Phó Trưởng khoa	0,35	
67	Nguyễn Trọng Nghĩa	1972		Khoa Kinh tế	Trưởng khoa	0,45	
68	Lữ Xuân Trang		1980		Trưởng bộ môn Cơ sở ngành	0,25	
69	Phạm Quỳnh Như		1982		Trưởng bộ môn Kế toán tài chính	0,25	
70	Phạm Quang Vũ	1985		Khoa Xây dựng	Phó Trưởng khoa	0,35	Phụ trách khoa
71	Trang Thị Xuân Uyên		1970	Trung tâm Y tế	Trưởng trung tâm	0,45	
72	Nguyễn Thị Nhuận		1979	Trung tâm Thư viện	Trưởng trung tâm	0,45	
73	Nguyễn Hữu Thiện	1985		Trung tâm Điều hành và QLDL	Trưởng trung tâm	0,45	
74	Nguyễn Văn Chiến	1974		Trung tâm Quan hệ DN	Trưởng trung tâm	0,45	

(Tổng cộng danh sách có 74 người).